

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-7-2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Võ Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1996 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông;

Bị đơn: Anh Phùng Duy H, sinh năm 1989 - có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị Lê Thị N chung sống với anh Phùng Duy H có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mâu thuẫn hôn nhân ngày càng trở nên trầm trọng nên vào tháng 4/2019 chị N đã bế con về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh H cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phùng Duy H. Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Phùng Duy H có một con chung là Phùng Duy K, sinh ngày 28/10/2015. Chị Lê Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Phùng Duy H cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại chị đang làm công nhân may tại Công ty SMP, Khu công nghiệp VSip 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, có thu nhập ổn định, có thể đảm bảo

cuộc sống cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Duy H trình bày: Anh Phùng Duy H kết hôn với chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau và về con chung như chị N trình bày. Về mâu thuẫn anh H cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do áp lực về kinh tế khiến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 3/2019 chị N xuống Bình Dương làm công nhân thì tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn quan tâm và tôn trọng lẫn nhau nữa. Về con chung: Anh Phùng Duy H mong muốn được nuôi con. Hiện tại anh H đang làm công nhân tại Công ty Zioncom, số 02, đường 23, Khu công nghiệp VSip IIA, xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có thu nhập ổn định. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức xác định việc chấp hành của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm các quy định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phùng Duy H chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phùng Duy K, sinh ngày 28/10/2015 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai số 0001379 ngày 30/12/2020 tại chi cục thi hành án huyện Tuy Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Lê Thị N và anh Phùng Duy H chung sống và có đăng ký kết hôn. Ngày 14/5/2020 chị N nộp đơn xin ly hôn với anh H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung là Phùng Duy K. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phùng Duy H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; mặc dù anh H đang làm công nhân tại Bình Dương nhưng vẫn thường xuyên về địa phương sinh sống và đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết vụ án ly

hôn giữa anh H và chị N. Vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phùng Duy H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, giấy đăng ký số 46 vào ngày 14/5/2015 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vào thời điểm kết hôn, cả chị N và anh H đều đã đủ tuổi kết hôn vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị N và anh H đều nhận thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Chị N và anh H đều nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh H nơi anh chị chung sống cũng cho biết cuộc sống của anh chị từ năm 2019, sau khi chị N đi làm công nhân ở Bình Dương thì không còn được hạnh phúc và hiện đang sống ly thân.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H là có thật; mâu thuẫn thường xuyên kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Phùng Duy H có một con chung là cháu Phùng Duy Nhân, sinh ngày 28/10/2015 theo giấy khai sinh số 300/2015 Quyền số 02 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức; đến thời điểm xét xử đã được 05 tuổi 09 tháng 25 ngày. Trong thời gian chị Lê Thị N và anh Phùng Duy H không chung sống với nhau thì chị Lê Thị N cùng ông bà ngoại là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Nhận thấy cả hai anh chị đều có yêu cầu được nuôi con chung, đều có công việc và thu nhập ổn định nhưng xét thấy cháu K tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ những nhận định trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh H về việc giao cháu Phùng Duy K cho anh nuôi dưỡng mà giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Phùng Duy H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 266; Điều 273 BLTTDS;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phùng Duy H.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phùng Duy K, sinh ngày 28/10/2015 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh Phùng Duy H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H. Chị N có quyền yêu cầu anh H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị N không yêu cầu anh Phùng Duy H cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001379 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức; (2 bản).
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; (ĐKKH số: 46/2015).
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiếm